

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18-5-2018

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quốc Trị

Ông Vũ Xuân Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Mai Thị Bé T, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Bé T: Ông Trần Tiến D, là luật sư của Văn phòng Luật sư Huỳnh Quốc thuộc đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có đơn xin vắng).

- Bị đơn: Ông Ngô Hoàng G, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 4, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Mai Ngọc B, sinh năm 1979 (có đơn xin vắng).

Địa chỉ: Khóm 6, phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Mai Thị K, sinh năm 1978 (có đơn xin vắng).

Địa chỉ: Quận 7, thành phố H.

3. Ông Ngô Thành Đ, sinh năm 1976 (có đơn xin vắng).

4. Bà Ngô Kim T, sinh năm 1979 (có đơn xin vắng).

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

5. Ngân hàng X (có đơn xin vắng).

6. Ngân hàng Y (có đơn xin vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn - bà Mai Thị Bé T trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Tháng 12/1995 bà Bé T và ông Ngô Hoàng G kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q – huyện Đầm Dơi nhưng hiện nay giấy đăng ký kết hôn bị thất lạc. Bà đã xin trích lục kết hôn nhưng UBND xã Q trả lời không lưu trữ trường hợp kết hôn do sổ bộ kết hôn năm 1995 đã bị thất lạc.

Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm không thể hàn gắn, vợ chồng đã sống ly thân hơn 4 năm nay, thời gian ly thân không thể hòa giải hôn nhân nên yêu cầu ly hôn với ông Ngô Hoàng G;

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Ngô Đình V, sinh năm 1998 (nam) và Ngô Phúc Đ, sinh ngày 03/3/2013 (nam). Khi ly hôn bà Bé T yêu cầu được nuôi cháu Phúc Đ, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

- Về yêu cầu chia tài sản chung gồm: 01 phần đất nuôi trồng thủy sản tọa lạc tại ấp 4 - xã H - huyện N - tỉnh Cà Mau, diện tích là 16.000m²; 01 nền nhà tại ấp X - xã Q - huyện Đ - tỉnh Cà Mau, diện tích 84m².

- Về nợ trả: Nợ bà Mai Ngọc B 10 chỉ vàng 24k; nợ bà Mai Thị K 40.000.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện bà Bé T yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, chia tài sản, nợ thu và nợ trả nêu trên. Tuy nhiên, tại buổi hòa giải ngày 26/4/2018, bà Bé T - ông G đã thỏa thuận, thống nhất và đi đến bà Bé T đã rút lại yêu cầu về con chung, tài sản, nợ thu và nợ trả, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Bé T ly hôn với ông G.

** Bị đơn - ông Ngô Hoàng G trình bày:*

- Về hôn nhân: Tháng 12/1995 bà Bé T và ông Ngô Hoàng G kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q – huyện Đầm Dơi nhưng giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông G đồng ý ly hôn vì duy trì cũng không mang lại hạnh phúc.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Ngô Đình V, sinh năm 1998 (nam) và Ngô Phúc Đ, sinh ngày 03/3/2013 (nam). Ông G thống nhất giao cháu Phúc Đ cho bà Bé T trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra cấp dưỡng

- Về tài sản gồm có: Một phần đất và nhà ở tọa lạc tại ấp X - xã Q - huyện Đ. 01 phần đất nuôi trồng thủy sản tại ấp 4 - xã H - huyện N.

- Về công nợ:

+ Nợ bà Mai Ngọc B là 10 chỉ vàng 24k, nợ bà Mai Thị K 40.000.000 đồng.

+ Nợ ông Ngô Thành Đ 40.000.000 đồng, nợ bà Ngô Kim T 20.000.000 đồng.

- Nợ Ngân hàng X 150.000.000 đồng; nợ Ngân hàng Y 37.000.000 đồng.

Tại buổi hòa giải ngày 26/4/2018 ông G và bà Bé T đã thỏa thuận và thống nhất được với nhau về con chung, tài sản, nợ thu và nợ trả; hai đương sự đã rút lại yêu cầu về tài sản chung, nợ thu và nợ trả, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ngân hàng X trình bày:*

Tại phiên tòa giải ngày 26/4/2018 phía Ngân hàng nông nghiệp, bà Bé T và ông G thống nhất để ông Ngô Hoàng G chịu trách nhiệm trả nợ đối với khoản vay tín dụng là 159.222.250 đồng. Phía ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết về khoản nợ nêu trên.

** Ngân hàng Y trình bày:*

Thống nhất chị Bé T chịu trách nhiệm thanh toán 12.356.302 đồng; ông G chịu trách nhiệm thanh toán 24.158.992 đồng theo hồ sơ vay vốn. Phía Ngân hàng rút lại yêu cầu Tòa án giải quyết về 02 khoản nợ nêu trên.

** Ông Ngô Thành Đ trình bày:*

Ông Ngô Thành Đ rút lại yêu cầu độc lập, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với yêu cầu vợ chồng ông G – bà Bé T trả nợ 40.000.000 đồng mà để tự thỏa thuận với nhau.

** Bà Ngô Kim T trình bày:*

Bà Ngô Kim T rút lại yêu cầu độc lập, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với yêu cầu vợ chồng ông G – bà Bé T trả nợ 20.000.000 đồng mà để tự thỏa thuận với nhau.

** Bà Mai Ngọc B và bà Mai Thị K trình bày:*

Bà Mai Ngọc B yêu cầu vợ chồng bà Mai Thị Bé T và ông Ngô Hoàng G liên đới trả nợ là 10 chỉ vàng 24k.

Bà Mai Thị K yêu cầu vợ chồng bà Mai Thị Bé T và ông Ngô Hoàng G liên đới trả nợ số tiền là 40.000.000 đồng.

Tuy nhiên bà K và bà Bích đã có văn bản xin rút lại yêu cầu độc lập, không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Mai Thị Bé T và ông Ngô Hoàng G trả nợ.

** Tại phiên tòa:*

- Bà Mai Thị Bé T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Ngô Hoàng G; Rút lại yêu cầu về nuôi con chung, chia tài sản chung, nợ thu và nợ trả, các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết; ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Ông Ngô Hoàng G đồng ý ly hôn; Về nuôi con chung, tài sản chung, nợ thu và nợ trả vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Mai Ngọc B, bà Mai Thị K, bà Ngô Kim T, ông Ngô Thành Đ, đại diện Ngân hàng X, đại diện Ngân hàng Y và luật sư Trần Tiến D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[2] Về quan hệ pháp luật:

- Tại đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bà Bé T yêu cầu xin ly hôn với ông Ngô Hoàng G; về nuôi con chung: yêu cầu được nuôi cháu Phúc Đ, không đặt ra cấp dưỡng; về tài sản chung: yêu cầu chia tài sản chung gồm 01 phần đất NTTS tọa lạc tại ấp 4 – xã H – huyện N và 01 phần đất ở tại ấp X – xã Q – huyện Đ; yêu cầu ông G cùng trách nhiệm thanh toán 02 khoản nợ của Mai Ngọc B và Mai Thị K.

- Ông Ngô Hoàng G đồng ý ly hôn, yêu cầu được nuôi cháu Phúc Đ, đồng ý chia tài sản chung theo quy định, yêu cầu bà Bé T cùng có trách nhiệm thanh toán 02 khoản nợ của Ngô Thành Đ và Ngô Kim T.

Tại phiên hòa giải và cũng tại phiên tòa, bà Bé T và ông G thống nhất chỉ yêu cầu giải quyết việc ly hôn; về nuôi con, tài sản chung và công nợ thì tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Tại đơn yêu cầu độc lập ông Ngô Thành Đ yêu cầu vợ chồng bà Bé T và ông G thanh toán số tiền mượn là 40.000.000 đồng; tuy nhiên, tại phiên hòa giải và bản tự khai ngày 26/4/2018 ông Đ rút yêu cầu độc lập, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại đơn yêu cầu độc lập bà Ngô Kim T yêu cầu vợ chồng bà Bé T và ông G thanh toán số tiền mượn là 20.000.000 đồng; tuy nhiên, tại phiên hòa giải và bản tự khai ngày 26/4/2018 bà T rút yêu cầu độc lập, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với 02 Ngân hàng có yêu cầu thanh toán nợ, tuy nhiên chưa lập thủ tục yêu cầu độc lập; đồng thời, tại phiên hòa giải và phía 02 Ngân hàng có văn bản không yêu cầu tòa án giải quyết.

Do đó, quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Năm 1995, bà Mai Thị Bé T và ông Ngô Hoàng G kết hôn với nhau. Nhưng hai đương sự không cung cấp được cho Tòa án giấy chứng nhận kết hôn; Mặt khác, bà Bé T nộp cho Tòa án văn bản trả lời của UBND xã Quách Phẩm: *“Qua rà soát trong sổ bộ kết hôn không còn lưu trữ trường hợp kết hôn của bà Mai Thị Bé T, sinh năm 1974 với ông Ngô Hoàng G, sinh năm 1973 (do sổ bộ kết hôn năm 1995 đã bị thất lạc). Hiện tại UBND xã chỉ quản lý sổ bộ kết hôn từ năm 1999 đến nay”*. Từ đó, xác định hôn nhân giữa bà Bé T và ông Hoàng G chưa đi đăng kết hôn theo quy định pháp luật.

Trong thời gian chung sống hai đương sự có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân hơn 04 năm nay. Việc bà Bé T và ông Hoàng G chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của bà Mai Thị Bé T và ông Ngô Hoàng G không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và công nợ:

- Tại đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bà Bé T yêu cầu chia tài sản chung đối với 01 phần đất NTTS tại ấp 4 – xã H – huyện N và 01 phần đất ở tại ấp X – xã Q – huyện Đ. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa thì bà Bé T và ông Hoàng G thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, bà Bé T rút lại yêu cầu chia tài sản chung, xét thấy việc thỏa thuận và tự nguyện rút lại yêu cầu của bà Bé T là tự nguyện. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Bé T về chia tài sản chung.

- Đối với ông Ngô Thành Đ và bà Ngô Kim T có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu bà Bé T và ông Hoàng G thanh toán tiền mượn; tuy nhiên, vào ngày 26/4/2018 ông Đ và bà T có đơn yêu cầu rút lại yêu cầu độc lập của mình, xét thấy việc rút yêu cầu độc lập của ông Đ và bà T là tự nguyện. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của bà Ngô Kim T, ông Ngô Thành Đ về yêu cầu bà Bé T và ông G liên đới trả nợ.

- Đối với bà Mai Ngọc B và bà Mai Thị K có văn bản không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Tại phiên hòa giải: Phía Ngân hàng X thống nhất để ông Ngô Hoàng G chịu trách nhiệm trả nợ đối với khoản vay tín dụng là 159.222.250 đồng và Ngân hàng Y thống nhất để chị Bé T chịu trách nhiệm thanh toán 12.356.302 đồng; ông G chịu trách nhiệm thanh toán 24.158.992 đồng theo hồ sơ vay vốn. Tuy nhiên, 02 Ngân hàng chưa lập thủ tục yêu cầu độc lập, nhưng đến ngày 26.4.2018 có đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các khoản nợ của ông Ngô Hoàng G và bà Mai Thị Bé T.

Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự: *“Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”*, do bà Mai Ngọc B, bà Mai Thị K và 02 ngân hàng không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch bà Bé T phải chịu với số tiền 300.000 đồng, bà Bé T được trừ vào phần tạm ứng án phí đã nộp.

- Bà Ngô Kim T và ông Ngô Thành Đ được nhận lại toàn bộ tiền án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà Mai Thị K, bà Mai Ngọc B, bà Ngô Kim T, ông Ngô Thành Đ; đại diện Ngân hàng X, Ngân hàng Y và luật sư Trần Tiến D.

- Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 14, Điều 53, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Mai Thị Bé T và ông Ngô Hoàng G.

2. Về con chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

- Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Bé T về chia tài sản đối với phần đất nuôi trồng thủy sản tọa lạc tại ấp 4 – xã H – huyện N và 01 phần đất ở tại ấp X – xã Q – huyện Đ – tỉnh Cà Mau.

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Ngô Kim T, ông Ngô Thành Đ về yêu cầu vợ chồng bà Bé T và ông G liên đới trả nợ.

4. Về án phí: Bà Mai Thị Bé T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch với số tiền là 300.000 đồng, bà Bé T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 17.100.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015831 ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, bà Bé T được nhận lại 16.800.000 đồng.

- Bà Ngô Kim T đã nộp tạm ứng án phí 500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0015874 ngày 05 tháng 4 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, bà T được nhận lại toàn bộ.

- Ông Ngô Thành Đ đã nộp tạm ứng án phí 1.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0015873 ngày 05 tháng 4 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, ông Đ được nhận lại toàn bộ.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Hoàng Tuấn